

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16-5-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý A Thu và bà Bạc Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2023/TLST- HN&GD ngày 06 tháng 02 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Tòng Thị H**, năm sinh 1990 – có mặt.

Nơi đăng ký thường trú: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; địa chỉ hiện nay: Bản H, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh **Tòng Văn C**, sinh năm 1987 – vắng mặt.

Địa chỉ: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy số 7 Hà Nội, địa chỉ: Thôn X, xã X, thị xã S, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/02/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tòng Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh C kết hôn năm 2009 trên sự tự nguyện không ai ép buộc, lừa dối và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quài Tở, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo Trích lục kết hôn số 02/TLKH-BS ngày 02/02/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tòng Văn C sử dụng ma túy, không

chăm lo cho gia đình nên vợ chồng luôn bất hòa, thường xuyên cãi chửi nhau. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bản Hới Nọ, xã Quài Tở, huyện Tuần Giáo; vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, chị H xác định không còn tình cảm với anh Chung đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị H và anh C có 01 người con chung là cháu Tông Thanh T, sinh ngày 01/6/2009. Khi ly hôn chị Hiệu yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, riêng: Không có.

* *Bị đơn anh Tông Văn C*: Khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo đã gửi Công văn đề nghị cơ sở cai nghiện ma túy số 7 Hà Nội phối hợp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, tài liệu chứng cứ liên quan, văn bản tố tụng cho anh C và hướng dẫn anh C viết bản tự khai và thực hiện các thủ tục tố tụng khác. Tại bản tự khai (BL 26) anh C thừa nhận về hôn nhân hai vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định, nguyên nhân mâu thuẫn do anh C nghiện chất ma túy và anh C nhất trí ly hôn. Về con chung anh chị có một người con chung cháu Tông Thanh T, sinh ngày 01/6/2009, anh C nhất trí giao cháu T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Tiến hành xác minh tại bản P, xã Q, huyện T cho thấy: Chị H và anh C tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định. Anh chị có một người con chung là cháu Tông Thanh T. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh Tông Văn C sử dụng ma túy dẫn đến vợ chồng bất hòa, cãi chửi nhau và chị H đã bỏ về bố mẹ đẻ ở bản Hới Nọ, xã Quài Tở, huyện Tuần Giáo. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Tại phiên tòa chị Tông Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Tông Văn C vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng quy định, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Tông Văn C.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh chị, giao cháu Tông Thanh T, sinh ngày 01/6/2009 cho chị Tông Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Tông Văn C chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Đương sự không yêu cầu, không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Tòng Thị H được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa ngày 27/4/2023 nguyên đơn chị Tòng Thị H, bị đơn anh Tòng Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 16/5/2023, bị đơn anh Tòng Văn C vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Tòng Thị H về ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Tòng Văn C và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Tòng Văn C có đăng ký thường trú và địa chỉ tại bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên và đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy số 7 Hà Nội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

[2] Về áp dụng pháp luật: Chị Tòng Thị H và anh Tòng Văn C kết hôn năm 2009. Tòa án áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị H và anh Tòng Văn C kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quài Tở, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Anh chị thừa nhận hai người kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc hoặc lừa dối. Căn cứ vào Trích lục kết hôn số 02 ngày 02/02/2023 của UBND xã Quài Tở (BL 02) xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Hiệu và anh C là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình 2000.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị H có đơn xin ly hôn với lý do anh C sử dụng ma túy dẫn đến vợ chồng luôn bất hòa, cãi chửi nhau, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh C thừa nhận nghiện ma túy và đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy số 7 Hà Nội. Hội đồng xét xử xét thấy do anh C không tu dưỡng, rèn luyện bản thân dẫn đến nghiện ma túy làm cho tình cảm vợ chồng luôn bất hòa, thường xuyên cãi chửi nhau, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị H không muốn duy trì hôn nhân với anh C, chị H xin ly hôn anh C đồng ý. Thể hiện hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51,

khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tòng Thị H.

[4] Về con chung: Chị H, anh C có một người con chung là cháu Tòng Thanh T, sinh ngày 01/6/2009. Chị H, anh C thống nhất khi ly hôn giao con cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hội đồng xét xử thấy chị H ngoài làm ruộng, còn đi làm công nhân phụ xây thu nhập bình quân 7.000.000đồng đến 8.000.000đồng/tháng. Còn anh C đang đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy số 7 Hà Nội. Căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai bên, quyền lợi về mọi mặt cho con, giao cháu Tòng Thanh T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C, chị H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Tòng Thị H không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Án phí: Chị Tòng Thị là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn án phí Tòa án. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Tòng Thị H.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo là phù hợp, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 69, 71, 72; khoản 1, khoản 2 Điều 81; 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tòng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị H được ly hôn anh Tòng Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Tòng Thanh T, sinh ngày 01/6/2009 cho chị Tòng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị Tòng Thị H chưa yêu cầu anh Tòng Văn C cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Tòng Thị H có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Tòng Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Tòng Thị H và anh Tòng Văn C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi

con chung sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tòng Thị H được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Tòng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16/5/2023). Anh Tòng Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- UBND xã Quài Tở, huyện Tuần Giáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giàng A Tăng